TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/KDTM-ST
Ngày: 14-5-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Phương

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 87/2026/QĐST- KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Thông báo mở lại phiên tòa sơ thẩm số 03/TB-MLPT ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH MTV N**.

Địa chỉ: Quốc lộ E, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn D – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu D1 – Chức vụ: Nhân viên kinh doanh.

- *Bị đơn:* **Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T**.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố R, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện hộ kinh doanh: Ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Thái Thị Đ**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ A, khu phố R, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh D1 có mặt; ông T vắng mặt; bà Đ có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/12/2025; đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 20/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH MTV N, người đại diện theo ủy quyền anh Phạm Hữu D1 trình bày:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N có mua bán vật tư nông nghiệp (phân bón các loại) bằng hình thức bán hàng qua điện thoại với Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (cửa hàng V) có đại diện là ông Nguyễn Văn T – chủ hộ kinh doanh và vợ là bà Thái Thị Đ cùng trực tiếp kinh doanh.

Quá trình mua bán, mặc dù Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng nhưng Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (cửa hàng vật tư nông nghiệp T) chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền hàng. Các bên đã đối chiếu và xác nhận công nợ. Sau khi thống nhất nợ và đối chiếu công nợ, ngày 22/8/2024, bà Thái Thị Đ đã ký xác nhận và đối chiếu công nợ với số tiền vốn và tiền lãi phát sinh (được tính theo hợp đồng kinh tế ngày 01/10/2023 mà các bên ký kết) với tổng số tiền 24.432.000đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà Đ trả nợ nhưng ông T và bà Đ chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N yêu cầu Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (có đại diện là ông Nguyễn Văn T - chủ hộ kinh doanh) và bà Thái Thị Đ liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N tổng số tiền còn nợ tổng cộng 27.249.000đồng (trong đó: vốn là 24.432.000đồng, lãi tính từ 23/8/2024 đến ngày 16/4/2025 với mức lãi suất 1,5% là 2.817.000đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

*Bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T do ô*ng *Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh làm đại diện đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý; bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến và không giao nộp tài liệu, chứng cứ.*

** Trong bản tự khai ngày 09/02/2026 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Đ trình bày:*

Bà Thái Thị Đ và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Ông T và bà Đ có cùng nhau kinh doanh bán vật tư nông nghiệp tại Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (cửa hàng vật tư nông nghiệp V) do ông Nguyễn Văn T đứng tên đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh Nguyễn Văn T với ngành nghề kinh doanh mua bán thức ăn gia

súc và phân, thuốc bảo vệ thực vật tại địa chỉ: Ấp R, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là: Khu phố R, phường M, tỉnh Đồng Tháp). Quá trình kinh doanh, H kinh doanh Nguyễn Văn T (cửa hàng V) có mua vật tư nông nghiệp với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N (mua phân bón), Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng nhưng do kinh doanh thua lỗ nên Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (cửa hàng vật tư nông nghiệp T) chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho công ty. Các bên đã đối chiếu và xác nhận công nợ. Sau khi thống nhất nợ và đối chiếu công nợ, ngày 22/8/2024, bà Thái Thị Đ đã ký xác nhận và đối chiếu công nợ với số tiền vốn và tiền lãi phát sinh (được tính theo hợp đồng kinh tế ngày 01/10/2023 mà các bên ký kết) với tổng số tiền 24.432.000đồng. Nay bà Đ thừa nhận nợ và đồng ý trả tiền nợ cho công ty theo yêu cầu khởi kiện bao gồm tiền vốn và tiền lãi theo thỏa thuận nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ

Tại phiên tòa;

Đại diện nguyên đơn yêu cầu Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (có đại diện là ông Nguyễn Văn T - chủ hộ kinh doanh) và bà Thái Thị Đ liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N tổng số tiền còn nợ tổng cộng 31.940.000đồng (trong đó: vốn là 23.875.000đồng, tiền lãi tính từ ngày quá hạn thanh toán 14/6/2024 đến ngày 14/5/2026 là: 8.065.000đồng) và tính lãi từ sau ngày xét xử đến khi thanh toán xong.

Bị đơn vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Đ có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng (trừ bị đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T do ông Nguyễn Văn T – Chủ hộ kinh doanh làm đại diện *(sau đây gọi là bị đơn)* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Đ có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và bà Thái Thị Đ.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không cung cấp tài liệu chứng cứ và không đến Tòa tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn xuất trình, các tài liệu do Tòa án thu thập và lời khai của bà Thái Thị Đ, có cơ sở xác định:

Bà Thái Thị Đ và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Ông T và bà Đ có cùng nhau kinh doanh bán vật tư nông nghiệp tại Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (cửa hàng vật tư nông nghiệp V) do ông Nguyễn Văn T đứng tên đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh Nguyễn Văn T với ngành nghề kinh doanh mua bán thức ăn gia súc và phân, thuốc bảo vệ thực vật tại địa chỉ: Ấp R, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là: Khu phố R, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N với H kinh doanh Nguyễn Văn T (T) và bà Thái Thị Đ đã ký kết hợp đồng kinh tế (v/v mua bán phân bón) ngày 01/10/2023 theo đó bên bán là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N và bên mua đã được ông Nguyễn Văn T ký tên với tư cách chủ cửa hàng và bà Thái Thị Đ ký tên với tư cách người liên quan. Xét thấy, hợp đồng kinh tế (v/v mua bán phân bón) ngày 01/10/2023 đã ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và 430 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng này là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết.

Thực hiện theo hợp đồng kinh tế (v/v mua bán phân bón) ngày 01/10/2023 bên bán đã giao đủ các đơn hàng vào ngày 06/6/2024 cho bên mua với tổng số tiền hàng hóa phải thanh toán là 35.935.500đồng, đến ngày 10/6/2024 bị đơn và bà Đ đã thanh toán được 12.060.000đồng nên còn nợ lại 23.875.500đồng. Các bên đã lập bảng Chi tiết công nợ phải thu của khách hàng (từ ngày 06/6/2024 đến ngày 22/8/2024) và Bản đối chiếu và xác nhận công nợ (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 22/8/2024) có xác nhận của bà Thái Thị Đ và được

bà Đ thừa nhận số nợ gốc 23.875.500đồng và tiền lãi từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày 22/8/2024 là 556.500đồng.

Theo Điều 2 hợp đồng kinh tế (v/v mua bán phân bón) ngày 01/10/2023 mà các bên đã ký kết có nội dung thỏa thuận: bên mua phải có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán trong vòng 07 ngày, nếu bên mua quá hạn thời gian thanh toán thì bên bán ngưng giao hàng và áp dụng lãi suất quá hạn tới 60 ngày là 0.033%/ngày và trên 60 ngày là 0.05%/ngày tính từ ngày đầu tiên quá hạn.

Xét thấy, bị đơn và bà Đ dù nhận đủ hàng hóa nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ nên phải thanh toán tiền hàng còn nợ 23.875.500đồng và phải chịu lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại Điều 2 hợp đồng kinh tế (v/v mua bán phân bón) ngày 01/10/2023. Tiền lãi từ ngày quá hạn thanh toán 14/6/2024 đến ngày 22/8/2024 là 556.500đồng đã được các bên xác nhận công nợ; nguyên đơn tiếp tục tính lãi từ ngày 23/8/2024 với lãi suất 1,5%/tháng đến ngày 14/5/2026 với số tiền lãi 7.509.000 đồng là phù hợp. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn và bà Thái Thị Đ trả 31.940.000đồng (trong đó: vốn là 23.875.000đồng, tiền lãi tính từ ngày quá hạn thanh toán 14/6/2024 đến ngày 14/5/2026 là: 8.065.000đồng) nên ghi nhận.

Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn và bà Thái Thị Đ liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N tổng số tiền còn nợ tổng cộng 31.940.000đồng (trong đó: vốn là 23.875.000đồng, tiền lãi tính từ ngày quá hạn thanh toán 14/6/2024 đến ngày 14/5/2026 là: 8.065.000đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Việc bà Đ xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng gây thiệt thòi đến quyền lợi của nguyên đơn và không được nguyên đơn đồng ý, đồng thời đã vi phạm thỏa thuận về phương thức thanh toán cũng như vi phạm quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự nên không được chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (có đại diện là ông Nguyễn Văn T - chủ hộ kinh doanh) và bà Thái Thị Đ có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 3.000.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 275, 288, 357, 398, 430, 433, 434 và 440 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 24, 50 và 55 Luật Thương mại;

Điều 84 Nghị định 168/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N.

Buộc H kinh doanh Nguyễn Văn T (có đại diện là ông Nguyễn Văn T - chủ hộ kinh doanh) và bà Thái Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N số tiền 31.940.000đồng (Ba mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng - trong đó: vốn là 23.875.000đồng, tiền lãi tính từ ngày quá hạn thanh toán 14/6/2024 đến ngày 14/5/2026 là: 8.065.000đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

2/ Về án phí sơ thẩm: Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T (có đại diện là ông Nguyễn Văn T - chủ hộ kinh doanh) và bà Thái Thị Đ có nghĩa vụ chịu 3.000.000đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

H1 lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N 3.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010536 ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Cẩm Loan